

ĐÓN MẸ VỀ

Kể từ hôm tôi đón Mẹ về, tính ra hai Mẹ con tôi xa cách nhau đã bảy mươi chín năm rồi.

Thế là mùa Xuân này vợ chồng tôi có Mẹ. Các con tôi có Bà. Mẹ tôi ở đó, trên cao. Người đem hơi ấm nồng nàn cho đứa con ngọt tám mươi năm nhớ Mẹ. Trừ 5 năm tuổi thơ khờ dại được bảo rằng: “*Mẹ đã đi chơi ở một vùng nào xa lắm. Lớn lên em sẽ thấy Mẹ về*”. Ấy là quãng ngày nhớ Mẹ, chị tôi đã ôm tôi vào lòng bảo thế. Tôi ngược nhìn lên thấy mắt chị đỏ hoe, và tôi biết rằng chị cũng đang nhớ Mẹ như tôi.

Một thời xa vắng quá. Đến nay thì chị tôi cũng mất rồi. Mất ở tuổi vừa đúng ba mươi. Không biết có ai dễ dành cho đứa con trai bốn tuổi và đứa con gái đang chập chững đi rằng: “*Mẹ các cháu đang đi chơi ở một miền xa lắm. Mai một sẽ về*” như tuổi thơ tôi không nhỉ?

Anh rể tôi gà trống nuôi con, sáu năm sau, ngày toàn quốc kháng chiến, anh tham gia đánh Thành Nam.

Xác anh đưa về chôn cạnh mộ chị tôi. Sau này tôi học lớp ba. Hình như trong sách Quốc văn Giáo khoa thư có bài tả chú gà ri mất mẹ. Tiếng kêu đứt đoạn chim chíp của chú như những mũi dao xoáy ngập hồn tôi.



Lập thu Giáp Ngọ 54

Con đường qua nhà tôi là con đường lớn nhất thành phố. Hai bên trồng toàn phượng vĩ và bàng. Con đường này thời Pháp thuộc là nơi lính Pháp duyệt binh, mừng ngày 14 tháng 7 là ngày Quốc khánh Pháp, đối diện dãy phố Paul Bert này là vườn hoa cửa Đông. Các chậu hoa, cây cảnh được xén tỉa gọn gàng. Từng gốc phượng già non trăm tuổi, vây chung quanh thả những cánh bướm hồng lả tả trên bãi cỏ xanh. Vài chiếc ghế đá là nơi mời gọi tự tình hò hẹn.

Phía bên là nhà kèn, biểu diễn cho công chúng đến nghe vào các chiều thứ bảy. Trông lớn, trông nhỏ, kèn đồng đầy đủ loại, loang loáng trong

âm thanh rộn rã. Nơi đây tôi đã ngẩn cổ lên nhìn say sưa chiếc gậy có tua đỏ buộc ở đầu, múa lên múa xuống của người chỉ huy dàn nhạc. Đồi sống tinh nhỏ êm đềm. Người trong các con phố liền nhau, đi qua đi lại riết thành quen.

Và cũng từ đây, vào ngày lập thu, từng đoàn xe cam nhông gầm rú từ Thái Bình đổ về. Trên xe những người lính đủ màu da, ngồi như tượng đá. Bụi xe thổi lại Thành Nam và người ta đã nghe trong hốt hoảng: “*ở hay đi ?!*”

Rồi những năm mô ở lại. Thanh minh tảo mộ chẳng còn ai. Tất cả đi vào một chốn không cùng.



Trong suốt hai mươi năm, tôi tìm Mẹ tôi trong tâm tưởng “*Mẹ đi chơi ở một nơi xa lắm*” như lời chị dỗ tôi không thấy Mẹ về. Và tôi hiểu rằng Mẹ tôi mãi mãi chẳng trở về. Tôi “bú trộm” dòng sữa của đứa con bà vú nuôi tôi. Tôi đã chiếm đoạt bầu sữa thơm tho và tôi no nê nó mới được ngậm vào dòng sữa dư thừa. Đứa con ruột thịt của Mẹ ngay từ lúc sơ sinh ấy, tôi đã là kẻ tham lam độc ác chẳng ? Ngày tôi dứt sữa thì bà vú “chia hai dòng sữa” ấy cho tôi cũng mịt mù. Thời gian cứ trôi đi. Nghe kể

lại mà thấy bùi ngùi... thấy xót thương những người mẹ trong cảnh khó khăn chật vật, đã phải đem bầu sữa nuôi con bán một phần để sống. Đây là bầu sữa nhân đạo đã cho những đứa trẻ được sống. Đó là tôi.

Hỡi người mẹ thứ hai, biết nay người ở chốn nào ? Hay người cũng như Mẹ tôi đang đi chơi ở một chỗ nào xa lắm chưa về ?



Tháng 8 năm Ất Mão 75, tôi theo đoàn người xuôi Nam. Vài tháng trước, trên những chuyến xe này thì ai cũng tay xách nách mang vài cân gạo, mấy ký ngô. Họ tranh nhau để trên kệ xe và nếu không còn chỗ thì dấp dúi dưới gầm ghế. Dài dọc dặm trường, con đường Quốc lộ Bắc Nam ngót hai ngàn cây số. Chuyến xe đi, chở tấm lòng của người ở lại cho người thân thích miền Nam “lỡ đại ra đi” để sau hai mươi năm sống cuộc đời đời đời khổ. Những tin ấy, ngày ngày trên mặt báo, trên loa nói chằng chịt phố phường. Quý thay tình máu mủ họ hàng. Dòng sông chia đôi song không cắt được lòng người.

Nhưng hôm nay, chuyến xe đi chỉ chở những

hoài mong vương vấn mắt còn, vì chính tâm trạng
tôi là thế, nên lòng tôi trở nên bao dung, xóa tan đi
mặc cảm mỉa mai. Chẳng hạn như “vào không ra có”
với những người, đa số không phải như tôi nghĩ, thì
thôi :

- “*Thế sự thăng trầm quân mạc vấn*” !(*) ta
thắc mắc làm gì.

Thưa cậu,

Tính đến hôm nay, cậu cháu mình đã xa nhau
21 năm rồi. Tuổi thiếu niên hồn nhiên của cậu cháu
mình khác gì lưỡi dao sắc ngọt cắt phăng đi, đẩy
vào niềm vô vọng.

Trên chuyến xe đi về phương Nam tìm cậu,
cháu đã may mắn kiếm được cậu Hoàng ở Gia
Định. Hồi cậu Hoàng trốn nhà ông Ngoại đi, mẹ
cháu bảo cháu mới được ba tuổi. Sau này bố cháu
kể rằng bà ngoại chỉ sinh được mẹ cháu rồi mãi
mười năm sau cậu mới ra đời. Trong khoảng thời
gian ấy, ông ngoại bỗng đem về đứa con trai ngoại
hôn của ông trao cho bà. Đó là cậu Hoàng, người
cậu đang ngồi cùng cháu trong cảnh ruột thịt thấy
nhau mà cảnh nhà thì tàn lụi tan hoang. Người ta

(*) Nghĩ đời mà chán. Cao Bá Quát

dạy nhau cùng hóa thân làm cái mình chẳng có. Trong cái mù mờ của cuộc sống, cái đúng cái sai đều đúng hết rồi bỗng chốc lại thành cái đúng cái sai đều sai hết. Tụ chung cũng là cái lưới mà ra cả. “*Cái lưới không xương nhiều đường lát léo*” Cổ nhân đã nói thì chẳng sai chút nào cả. Ấy cũng là lúc cậu Hoàng hỏi cháu:

- Chắc là ông ngoại đã chết thời cái cách ?
Cháu chưa kịp trả lời thì cậu đã thờ dài nói tiếp.

- Mà chết là cái chắc !...

Câu hỏi và câu trả lời của cậu hình như để xác nhận rằng một cơ ngơi đồ sộ, một chức tước bé bỏng thời chiến tranh Pháp Việt nhập nhằng của ông đã là một bản án có sẵn.

Sau câu nói ấy, dưới bóng đèn đường đỏ quạch lơ mờ hắt vào khoảng sân đất hai cậu cháu đang ngồi, cháu thấy trên đôi mắt già nua của người con sáu mươi tuổi, đang đưa hai bàn tay vuốt đi những giọt nước mắt thương cha.

Khi thấy từng cơn gió lạnh lướt từ con kênh bên nhà thổi hắt vào. Cậu Hoàng chống tay đứng dậy bảo:

- Thôi vào ngủ đi cháu ạ. Đừng mong gì cậu Châu về sớm. Nhất là cái thứ lính cánh tay đeo đầu cọp, đầu beo nhe nanh múa vuốt như cậu mà, thì nghe người ta nói năm mười năm chắc mới có ngày về.



Hồi tưởng

Cũng từ ngày này tháng này năm Giáp Ngọ, bọn trẻ chúng tôi ở ngôi nhà trên đường Paul Bert, nhìn ra vườn hoa cửa Đông ngơ ngác như bầy chim lạc mẹ. Đây là ngôi nhà theo tôi biết thì ông bà cố bên ngoại Mẹ tôi mua để con cháu ra Thành Nam ăn ở, học tập. Nó có từ đời ông ngoại tôi và các ông em của ông. Từ đây có người thành danh, có người lại quay về với ruộng vườn như ông ngoại tôi. Vài năm nay là các cậu tôi nối tiếp ở đây. Năm 45, 46 gì đó thì cậu Hoàng, con bà Hai của ông ngoại tôi, mới học tới năm thành chung thứ hai trường Cửa Bắc, bỏ nhà đi. Nghe đâu cậu gia nhập đoàn quân Nam tiến. Đạo ấy tôi mới 6 tuổi, nghe thế thì biết thế. Năm 10 tuổi tôi mới bắt đầu được làm thành viên bé nhất trên tổng số 10 người trong căn nhà này.

Tất cả bọn tôi được trông coi quản lý giờ giấc học tập là cậu Hoàng vì cậu vừa lớn nhất đám, cũng lại là người học trung học, so với bọn tôi toàn là bọn tiểu học nhí nhố. Còn trông coi về ăn uống chợ búa thì do anh con nuôi của bà ngoại tôi quản lý. Đó là cậu Diễm. Tuy làng tôi và làng các cậu chỉ cách tỉnh có 5 cây số, chạy bộ cũng về tới nơi. Nhưng chúng tôi chỉ được về chơi các ngày lễ tết và những ngày hè dài ba tháng, là thiên đường của bọn cậu cháu tôi ngày đó...

Tiếc rằng tôi bén mùi tinh lý mới có hơn một năm. Mùa hè, tắm hồ La-kết được có mấy lần. Mùa thu lang thang trên hè phố cửa Đông, nhìn trộm bọn Tây trắng Tây đen ôm con gái, dập diu trong các quán bar. Rồi lang thang ra chỗ đền Cây Ngải xem lên đồng. Cũng ráng ngồi chờ được ban lộc cho mấy trái ổi, cắn đến gãy răng.

Kỷ niệm nơi thị thành với tôi còn vui lắm mà rồi chợt đâu tan tác. Các cậu con bà ba cùng ông ngoại chạy ra vùng Đông Bắc. Cậu Châu – em ruột Mẹ tôi cùng người bạn học, leo lên xe cam nhông lên Hà Nội. Sau này tôi mới biết cậu đã vào Nam. Căn nhà mệnh mông lạnh vắng hơi người, cậu Diễm bảo tôi :

- Mày coi nhà, tao về làng xem sao. Bỏ căn nhà này trống không là họ vào chiếm đấy.

Tôi ở một mình. Đêm sợ ma không dám ngủ. Thức trắng đêm. Mệt quá nên thiếp đi. Chợt nghe tiếng reo hò cùng kèn trống vang dội từ phía bờ sông lên, từ dốc Lò Châu, Cổng Hậu. Năng Tĩnh đổ về trước dinh Tỉnh trưởng. Tiếng hò reo vang dội phổ phường : “Độc lập rồi ! Độc lập rồi !”.

Buổi chiều cậu Diễm từ quê lên, cậu đóng cửa, rồi thì thâm báo :

- Về thôi !

Tôi hỏi:

- Về đâu ?

- Về nhà ông nội họ hàng cháu chứ về đâu ! Bên nhà ông bà ngoại cháu, đâu còn ai.



Năm ấy, tôi 12 tuổi và em gái tôi 10 tuổi. Anh em tôi lớn lên như cỏ dại, sống vật vờ trong gia đình bà thím phải đi làm thuê, làm mướn nuôi ba đứa con thơ xấp xỉ tuổi tôi. Thím lâm vào cảnh này cũng do ông chú tôi thuộc loại phá gia chí tử. Bởi có mấy sào ruộng ông nội tôi chia cho, chú đem

bán dần trong các canh tài xiu, xóc đĩa. Lần cuối, nghe đâu chú đòi bán cái nhà mái rom vách đất này để tiếp tục lao vào canh bạc đỏ đen. Ông nội tôi nghe tin ấy vội sang. Tay ông cầm một mớ rom, bước vào nhà. Ngồi trên chiếc chõng tre, ông gọi chú ra đứng trước mặt rồi nhỏ nhẹ bảo :

- Bố nghe anh định bán cái nhà này. Vậy vợ con anh ở đâu ? Bố chia cho anh, dù là nhà tranh vách đất nhưng nó cũng là nơi vợ chồng, con cái anh có chỗ đi về. An cư mới lạc nghiệp ! Thế mà ruộng bố mẹ cho đem bán hết, đẩy đến chỗ sạt nghiệp chứ lạc nghiệp gì. Giờ lại đòi bán nhà. Thì thôi thế này ...

Ông tôi xuống giọng bù ngùi:

- Tài sản bố mẹ cho thì nó thuộc về vợ chồng anh rồi. Muốn làm gì thì làm, không ai ngăn cấm. Ruộng anh bán đi, vợ con anh khổ. Nay anh bán nhà thì bố chịu tiếng ác thay anh. Bố sẽ đốt nhà. Rồi anh dẫn vợ con anh đi đâu thì đi. Rom bố đem sẵn đây. Anh để cho vợ con anh có chỗ chui ra chui vào. Hay bán ? Trả lời một lần cho bố tính.

Nghe ông tôi nói vậy, chú tôi chấp tay thưa:

- Con mới định thế thôi. Chứ con bán nhà, thì vợ con con ở đâu. Bố tha lỗi cho con.

- Thế thì được.

Ông tôi nói xong quơ mớ rom đi về.

Đêm hôm ấy, chú tôi lẳng lặng bỏ đi. Tính đến nay đã hơn mười năm, chẳng có tông tích. Thím tôi lấy ngày ấy làm ngày giỗ chú.

Sau hơn một tháng lang thang tìm họ, tìm hàng. Có người còn ở lại. Có người lại ra đi lần nữa. Chẳng biết biên cả có cư mang !

Tôi đi tìm trong mơ hồ dĩ vãng tuổi thơ tôi, những người chú, người dì ruột thịt. Có chỗ tôi nhận được sự yêu thương, có chỗ rất lạnh lùng, hời hợt cho rằng tôi đi thăm chỉ là vào xin của và sự khốn cùng nhất trong tôi như lưỡi dao cưa xé thịt da, là ý thức hệ hai bờ địa ngục. Tôi qua Cổ Thành Quảng Trị tan hoang. Cậu Long con bà ba của ông ngoại tôi tan thân xác năm 72 vẫn còn ở đó. Sau này chỉ là chiếc mộ gió cho hương khói quê miền Đông Bắc. Qua cầu Hàm Rồng, đêm còn mờ bụi lạnh cuối thu. Dòng sông Mã mù sương. Rồi ra tàu cũng đậu lại, bên ngọn đèn hiệu đỏ lác lư. Đây là ga xếp Đặng Xá, nơi hai mươi bốn năm xưa các cậu

cháu tôi xuống xe, rồi thi nhau chạy ào ạt về làng. Bây giờ tôi đã hơn bốn mươi. Nhưng soi gương thì chẳng phải bốn mươi mà nhăn nheo dúm dỏ như cụ năm mươi. Nguyên do cũng là thời lừa lọc, buôn gian bán lận. Người với người chẳng là gì ngoài vồ vập miếng ăn vào mình. Tôi là ai nhi ? Thời đó tôi nào biết tên cúng cơm của tôi, ngoài tên “phe phẩy” ! con ông này, cháu bà nọ ư ? Danh giá ư ? Chôn đi hết cái nhân cách mà sống.

Hình như tôi đang đi về nhà mà bước chân như đi về quá khứ. Làng ông ngoại tôi kia rồi. Bóng cây đa đầu đình tỏa bóng mờ mờ. Tiếng gà rải rác lạc loài. Đêm vẫn còn đêm. Yên bình, thanh thản. Hết rồi những đêm đuốc lửa chập chờn, loáng bóng mặt người bùng bùng sát khí. Hết rồi những hồn thực hồn oan lang thang về nghĩa địa cuối làng.

Đêm “14 tuổi tôi” bỗng giờ trở lại câu nói độc thoại của cậu Hoàng: “*Chết là cái chắc*”. Đêm của chén cơm, lén lút bên bát nước lã và ba cây nhang trong căn nhà ẩm mốc của cậu Diễm, nằm xé đình làng. Cậu bảo : “*Khi nào nghe thấy tiếng súng thì quỳ xuống, lạy bốn lạy cho linh hồn ông ngoại cháu thanh thản ra đi*”.

Ngày ấy, thời gian đợi chờ căng như sợi dây đàn và khi ba tiếng chát chúa vọng lại, giải tỏa được lo âu hồi hộp thì đau thương ụp xuống. Cậu Diễm vội vàng đốt nhang. Tôi bò ra, ngồi gục trước năm com, bát nước.

- Thế là ông ngoại tôi đã lên trời !

Rồi cũng chỉ hai tháng sau, giữa cảnh trời đất mịt mù, tình người đứt đoạn. Cậu Diễm sang nhà thím tôi. Cậu nhìn trước nhìn sau như thằng kẻ trộm, mới bước vào nhà. Cậu xoa hai bàn chân đầy đất ra sau và hỏi :

- Thím đâu ?

Thằng em con chú tôi nhanh miệng :

- Dạ Bu cháu đi làm, chưa về ông ạ !

Cậu Diễm lại lấy hai bàn chân gạt gạt nền nhà nện đất phẳng phiu rồi mới ngồi xuống. Khoanh hai cánh tay gầy guộc, đen sạm trên đầu gối, cậu bảo tôi :

- Lại có chuyện rồi cháu ạ.

Cũng phải nói rằng, tôi tuy mới mười bốn, mười lăm tuổi, nhưng qua những biến động của làng xóm lúc bấy giờ, tôi bỗng trở thành già nua

trước tuổi. Cũng như cậu Diễm đang ở cái tuổi bốn mươi mà nay cậu như một cụ già hom hem gầy guộc. Cho nên khi nghe cậu nói, tôi đã bình tĩnh, không co rúm, hồi hộp như đêm ông ngoại tôi chết. Tôi đến ngồi bên cậu, cậu thở dài :

- Thì nhà anh chị Tèo

- Cháu biết, cái nhà anh chị ấy như túp lều ở cuối làng. Anh Tèo cất vó ở ven sông...

- Ừ là vậy, vừa rồi anh chị ấy được chia ruộng, lại được ngay sào ruộng hương hỏa mai táng mộ của bà ngoại cháu ở đây.

Hôm qua bà Xíu đi làm đồng về có kể cho cậu nghe là chị ấy vừa cuốc đất vừa chửi xéo “*mộ của con nào thằng nào mà không đào đem đi, thì bà cho cây xới tung lên. Xương sọ, xương sườn bà vát lên bờ cho chó tha, quạ mổ đi...*” Xưa nay anh chị ấy có tiếng là ngáo ngỗ trong làng. Cậu sợ họ nói là làm, nên đã đến nhà báo anh chị ấy : “*Để tôi báo cho con cháu bà ấy ở làng Xá họ sang bốc đi. Chứ mình đào mồ cuốc mả người ta, sợ không tốt cho phúc đức nhà mình ...*”

Nghe cậu nói vậy, mẹ anh Tèo cũng bảo con dâu :

- Nhà mình có đức nên mới được chia chân ruộng tốt như thế. Thôi để ông ấy báo cho con cháu họ đưa đi... dương sao âm vậy, đừng để oán khí vào làm mất “cái đức” đang thịnh của nhà mình con ạ....

Cậu thấy chị Tèo ngồi im, chắc thuận theo lời mẹ. Nhưng chị với tay lấy miếng trầu rồi nhìn thẳng vào cậu, bảo :

- Ông báo người ta làm sớm sớm và tôi cũng nhờ ông nói cho họ biết rằng : “Cái gì trên đất của tôi là tài sản của tôi. Cái quan tài, cái tiểu sành cũng là của nhà tôi. Mẹ chồng tôi, ông thầy đây, hơn tám chục rồi, chẳng biết đi lúc nào. Nếu là cái quan tài, vợ chồng tôi về lau chùi rửa ráy để làm “áo” cho cụ lúc ra đi. Nếu là cái tiểu thì để dành lúc cải táng, khỏi tiền ra đấy. Khỏi lo”.

- Chị cứ nói thế, chứ dân mình giờ càng ngày càng no ấm. Tiền của nghe nói càng sung túc. Lúc ấy cụ chẳng may có mãn phần thì quan tài không những bằng gỗ vàng tâm mà còn bằng gỗ sồi, gỗ sến ấy chứ.

Chị Tèo ngúng nguẩy bước vào trong còn ngoái cổ ra nói :

- Tiền đeo đầu mà mua !



Nghe cậu Diễn kể lại. Tôi nghĩ ngay việc này có lẽ phải “chuyển mộ” bà ngoại tôi lên lút thôi.

Quả nhiên cậu Diễn bảo :

- Mộ bà đã cải, chỉ còn xương cốt chừa trong chiếc tiểu sành, vì ngày cải táng bà, cậu cũng có mặt. Nhưng bây giờ người ta nói cái tiểu họ cũng lấy. Nói xong, cậu thì thăm hỏi :

- Bên cạnh mộ mẹ cháu còn đất trống không ? Nếu còn thì sáng mai cậu cho anh Diễn sang rồi cháu dẫn ra nghĩa trang. Hai anh em cố đào lấy một cái hố, có ai hỏi thì bảo đi đào hang bắt chuột.

Rồi cậu nói sang việc khác.

- Đáng lẽ cậu sang bàn chuyện này với thím cháu để nhờ mua hộ cậu nải chuối với thẻ nhang.

Tôi chợt nhớ chén cơm đêm ông ngoại chết nên hỏi :

- Vậy có cần chén cơm không cậu ?

- Thường thì chi hoa quả, nhang đèn trong việc này thôi là đủ để cúng lúc hạ cốt.

Trả lời tôi xong, cậu bảo việc nữa là nhờ thím cho thằng cu lớn theo cháu sang nhà cậu để phụ việc bốc mộ bà.



Cuối tháng Mười, cái lạnh đã như vào ngày Đông chí. Càng về khuya sương mù càng dày đặc. Từng nhát mai của anh Diễm xấn xuống, lướt theo ánh đèn pin của tôi rọi quanh khu mộ. Khi đất đã mở ra, cậu Diễm lấy hai bàn tay bới nhẹ để tìm chiếc tiểu sành. Trong bóng đêm, cậu kiên trì như loài chồn cáo đào hang, và một tiếng kêu rất nhỏ như sợ lọt vào tai vợ chồng chị Tèo : “*Đây rồi*”. Tôi trao chiếc đèn cho thằng em. Sáu bàn tay cùng thi nhau bới đất.

Nắp tiểu được bật ra. Bao nhiêu xương cốt của bà ngoại tôi được cho ngay vào chiếc bị cói. Năm nhang được đốt lên, con chú tôi cầm đi trước, rồi đến tôi đeo bị đi sau. Cuối cùng là anh Diễm vác chiếc tiểu sành.

Chúng tôi không dám đi đường làng mà băng qua ruộng để về nghĩa trang làng tôi.

Tới nơi, anh Điền bảo tôi đưa chiếc bị, sắp xếp xương cốt bà ngoại tôi vào đó. Đây nắp tiểu cho vào khớp, rồi anh bảo tôi :

- Nào khiêng. Nhè nhẹ thôi.

...

- Đặt xuống. Đúng rồi.

Lại bốn bàn tay vun đất dưới ánh sáng đèn pin chiếu loảng quảng của thằng em. Khi mô đất đã u lên. Anh ra lệnh :

- Lạy đi ! Lạy đi !

Giọng anh chẳng khác gì lời bố anh giục tôi lạy ngày ông ngoại tôi bị bắn.

- Bây giờ tụi mày về ngủ. Sáng mai đem cuốc ra, đắp mộ bà cho cao rồi vạt đám cỏ tươi đắp lên trên. Tránh sự tò mò, thắc mắc của người lăm chuyen. Rách việc ra !

Gà gáy canh ba, anh Điền mới về tới nhà. Thấy bố vẫn còn chong ngọn đèn nhỏ như hạt đậu ngời chờ.

- Xong xuôi mọi việc rồi chứ con ? Ông Điền thì thăm hỏi

- Dạ. Đắp mộ bà rồi. Nhưng con dặn tụi nó mai phải ra đắp tiếp.

- Ừ thế thì được. Con đi ngủ đi. Nhưng kể từ ngày mai, bố con mình tuyệt đối không đi lại bên cháu Linh nghe...

- Dạ con biết.

Trả lời bố xong, anh Diễm quăng mình xuống chõng tre, ngủ không biết trời trăng gì cả.

Mãi lúc mặt trời, có lẽ đã lên tới ngọn tre anh mới thức giấc.

Vừa định bước ra cửa, anh thấy vợ chồng cụ Tèo kéo mấy cành tre rào cổng, bước vào. Anh Tèo lớn giọng :

- Nay ông Diễm, ông cho tôi biết thằng nào, con nào đã đào trộm mả nhà tôi đêm qua ?

Ông Diễm bước ra, từ tốn hỏi lại :

- Vậy mà các cụ để đầu mà bọn nó đào ? Chắc bọn này nó nghĩ khi chôn các cụ theo tục lệ xưa, thì thường chôn của cải vàng bạc đi theo, nên bọn nó mới làm vậy ? Anh chị sao không trình báo chính quyền lại đi hỏi tôi ? Nghi tôi là thủ phạm à ? Vậy chờ tôi mặc cái áo rồi mình cùng đi

Chị Tèo vội chữa câu nói hớ của chồng :

- Ấy, anh ấy nhà tôi tiếc của nên nói mả nọ ra mả kia. Nhà anh ấy rách ba đời làm gì có vàng mà chôn theo như ông nói. Cái mả ở đây là cái mả nằm trên ruộng của tôi.

- Cái mả ấy làm sao hờ chị ?

- Thì đêm qua nó đã đào mệ nó đi rồi !

- Vậy nó có vớt lại áo quan như hôm nọ chị yêu cầu không ?

- Áo vớí sồng gì ! Nó đào cái lỗ như cái lỗ đi tiểu

- Như vậy cái tiểu cũng mất.

- Bây giờ tôi nhờ ông nhắn hộ với đám con cháu nhà đó phải đem trả lại cho vợ chồng tôi cái tiểu sành. Nó nằm trên ruộng của tôi là của tôi

Ngồi trong nhà, nghe những lời ngang ngược của vợ chồng cu Tèo, anh Điền vội vớ cái áo vớ lên vai, rồi ra đứng trước cửa, hát hàm hời :

- Anh chị muốn đòi của hả ? Bớ tôi đâu có phải là tay sai cho anh chị. Để tôi chỉ chỗ cho mà đòi nhé. Ấy cứ sang làng Xá ấy. Rồi hỏi thằng Linh

là con ông liệt sĩ ấy mà đòi. Đ.M. lúc nào cũng ra rả cái mồm “tình làng nghĩa xóm”. Tình nghĩa cái con c... Biến !

Ông Diễm vội ngăn con, bảo đừng nói những lời thô tục như thế.

Rồi ông vào thắp nén nhang trên bàn thờ đưa con cả, chết trận Mậu Thân ở Thành nội Huế.



Tháng chín sương giăng ...

Tháng mười sương giá.

Ông Châu được người bạn đồng môn, đồng trại chở xích lô ra ga xe lửa Hòa Hưng, nằm lõm sâu trong các con đường nhỏ từ Lê Văn Duyệt, Yên Đỗ đổ về , từ bên kia kênh Nhiêu Lộc bò sang. Sân ga rộng, nắng mênh mông, xe gắn máy, xe taxi chạy vào ngang dọc. Trong lúc lấy số chờ gọi mua vé tàu Bắc Nam, ông bỗng nhớ “Ga Sài Gòn” xưa nó nằm hình như chếch phía Tây Nam của chợ Bến Thành, chạy dài dọc đường Lê Lai tới gần nhà thờ Huyện Sĩ. Phía dưới ấy là các cửa chờ hàng hóa vào ga. Còn phía trên, nhìn sang mặt tiền đường Phạm Hồng Thái, là nơi bán vé cho khách đi về các tỉnh miền Trung. Bước vào đây, chỉ cách một via hè thôi

là đã như thoát được cái ồn ào ngoài phố. Người Pháp xây có lẽ cũng mang cái phong cách các nhà ga nơi mẫu quốc. Nó thoáng mát, rộng rãi, không ồn ào chen lấn. Bởi khách mua vé xong là ra ngay cửa sân ga, chờ đợi lên tàu.

Bỗng nơi quầy vé vang lên giọng đọc khăn khăn: “Số 20.” Ông Châu quên ngay những hồi tưởng, vội vàng bật dậy theo quán tính đứng nghiêm hô : “có” như những ngày phải xa vợ xa con. Ông đưa thẻ chứng minh qua cái lỗ nhỏ và một cuộc đối thoại tự động xuất hiện giữa hai người, chẳng ăn nhập gì giữa kẻ bán, người mua.

- Anh sinh năm 40 sao khuôn mặt quá già so với số tuổi ?

- Dạ tại lao động vất vả kiếm tiền nên tôi già trước tuổi.

Ông bán vé mỉm cười, rồi như một thầy tướng số cao tay. Ông hỏi:

- Máy năm ?

Ông Châu cũng vui vẻ trả lời :

- Bảy năm.

- Thế đi cứng hay mềm ?

- Dạ mềm.

- Tội lớn đấy. Thôi vé của ông đây. Toa số 7, ghế 30.

Vì theo lời thằng cháu dặn : “Cậu nhớ mua ghế mềm, có máy lạnh ngồi cho đỡ mệt. Tàu chạy hơn 34 tiếng mới tới. Cậu già rồi, ngồi ghế cứng chịu không nổi đâu” khi nghe cháu nói thế ông Châu đang định hỏi về chuyện ghế cứng, ghế mềm thì nó đã giải thích ngay: “Cậu ạ, ghế cứng là cái băng dài bằng gỗ dọc theo toa tàu. Còn ghế mềm là ghế có nệm như ghế salon. Có thể ngả lưng ngủ được”.

Quả nhiên lúc ông cầm vé lên toa số 7, ông thấy đúng như thằng cháu nói. Lại còn thoang thoang “mùi máy lạnh” bay ra. Mỗi toa, loại ghế mềm này chứa 68 con người, chưa kể các cháu nhỏ được các bà mẹ bông bế trên lòng. Cho nên khi tàu chạy. Cửa ra vào đầu toa, cuối toa đóng kín, là một mùi tổng hợp hơi người, hơi trung tiện, tiểu tiện của trẻ con dù chỉ của 1/4 số người trong toa cũng đủ để lan tỏa khắp toa một mùi ngai ngái khó chịu. Nhất là chiếc máy lạnh kia lại tiết kiệm điện tối đa, chẳng làm cho hành khách hạ nhiệt được chút nào.

Nhưng đối với ông Châu, cái mùi vị ấy chẳng ra gì so với những ngày giáp Tết, tổ trồng rau của ông đã bóp phân tươi nhào với đất để tạo nên những luống cải, tạo nên vườn rau xanh bát ngát. Ông nhìn vào nó, bám vào nó với niềm hy vọng. Đây là “phép thắng lợi tinh thần” của ông chứ không phải cái phép thắng lợi của AQ¹ trong truyện Lỗ Tấn.

Và trong âm thanh rời rạc nỗi buồn của con tàu, không nữ rời bỏ ga đi. Người ta ngủ gà ngủ gật như gà.



Sở dĩ ông Châu không về ở nhà thằng cháu là vì ông sợ công việc không được đúng như ngày giờ đón mẹ ông về Nam. Lỡ ra hai mẹ con ông phải nấn ná ở lại nhà cháu thì sao. Thằng cháu ông thì chẳng nói làm gì, nhưng còn vợ nó, còn tiếng ra tiếng vào của hàng xóm, láng giềng. Mặc dù cháu ông bảo :

¹ AQ là nhân vật trong tác phẩm có tựa đề “AQ chính truyện” của Lỗ Tấn, miêu tả một tên khố rách áo ôm đi ở cho một nhà quyền quý. Từ đó có ảo tưởng như mình như vậy. Bị thiên hạ chửi mắng sỉ nhục không dám phản kháng, tự cho mình đã áp dụng phép “thắng lợi tinh thần”, nên vẫn hể hả ngay cả khi người ta đem y ra pháp trường xử bắn ...

- Bây giờ là thời đại “dân chủ cộng hòa” rồi, không có ai mê tín dị đoan đâu cậu, mà xương cốt là của bà ngoại cháu. Đứa nào dám nói.

Ông vội bảo :

- Có kiêng có lành cháu ạ. Lỡ xảy ra việc gì sau này cho vợ con cháu, thì cậu cháu mình lãnh đủ...

- Vậy thì tùy cậu.

Nghĩ tới công lao của cháu, của bố con ông Diễm, ông Châu ngậm ngùi gạt nước mắt. Vì nếu không có những người ấy lần mò “đào trộm” nắm xương tàn của mẹ ông ngày ấy, thì hôm nay ông đâu được đón mẹ ông về. Thoáng chốc đã 40 năm. Cậu cháu ông giờ người sáu mươi, người bảy mươi cả rồi.

Tiết thay hôm nay ông Diễm, người con nuôi của mẹ ông đã ra người thiên cổ.

Khi đến thấp nhang cho ông Diễm, nhớ tới những việc ông đã làm cho bố mẹ mình, ông Châu gục khóc trước bàn thờ. Anh Diễm phải đến dìu ông ra ngồi trên chiếc chõng tre. Cả đời anh, anh chưa

thấy ai gục khóc trước bàn thờ bố anh như thế. Anh cũng xúc động khóc theo và nghẹn ngào nói :

- Dạ, ông ngồi cho khỏe. Bố con cũng kể về ông rất nhiều khi bốc mộ bà. Hôm nay con mới được gặp ông.

Ông Châu đã qua cơn xúc động. Ông quay nhìn anh Điền dịu dàng bảo :

- Gọi chú là chú thôi, vì chú là em bố cháu mà.

Khi tiễn chân ông Châu ra về, anh Điền chấp tay :

- Thưa chú, chiều mai con sang anh Linh sớm để bốc mộ bà.

Chiều mai ấy là chiều hôm nay. Dưới bầu trời âm u, lạnh theo từng cơn gió lướt trên ngọn cỏ lau xào xạc quanh bờ nghĩa trang làng Xá. Ông Châu và vợ chồng con cái mấy đứa cháu thất khăn tang theo tục lệ ở đây, cùng quỳ xuống kính cẩn nghe lời kinh, tiếng mõ của vị sư bà đang tụng niệm trước mộ mẹ ông.

Tiếng kinh nghe buồn bã xa xôi như gọi hồn về chứng giám nỗi nhớ thương của con cháu. Một

vài tiếng khóc nức nghẹn phía sau làm ông không cầm được nước mắt. Ông xót xa nhớ Mẹ, nhớ lời chị ông dỗ dành ông : *“Mẹ đi chơi ở một nơi nào xa lắm, lớn lên em sẽ thấy Mẹ về...”* Ông liếc nhìn sang mộ chị ở kế bên, thềm thì trong nước mắt, ông gọi *“Chị ơi”* !.

Sau ba tuần trà nước. Lễ chiêu hồn đã xong. Tất cả các khăn tang được đem hóa trước mộ. Ông Châu lặng lẽ đến quỳ trước mộ chị, ông tháo khăn, giơ ngang trước mặt : *“Thưa chị, ngày Mẹ mất chị có một chiếc khăn của chị đưa Mẹ đi. Hôm nay em đội chiếc khăn này để đón Mẹ về Nam. Xin chị tha thứ cho em”*.

Trong ánh sáng của mấy ngọn đuốc. Mộ đã phá xong. Cách mộ chừng hai mươi bước chân, có hai người đang nhóm củi, dưới một thùng thiếc hình trụ đặt ngang. Phía trên là nắp mở có khoen cài ... Đây là lò “hóa thân” theo kiểu thủ công nghiệp, vì nơi đây chưa có lò thiêu. Nhưng lúc đó ông Châu chưa để ý vì ông còn đang mãi nhìn vào chiếc tiểu sành chứa xương cốt mẹ ông đang được đưa lên. Cũng vừa lúc ấy, một người có lẽ là trưởng nhóm, thất dải khăn đen ngang trán tiến tới. Ông đót bó nhang cháy bập bùng, ra đứng phía trước

tiểu sành, ông quay vái bốn phương. Rồi đi quanh, mồm lẩm nhẩm như đọc thần chú diệt ma trừ tà gì đó. Xong, ông vát bó nhang xuống huyết. Ông bảo ông Châu lay bốn lay và tự tay ông mở nắp tiểu ra. Tất cả xương cốt đều được ông lấy lên đem rửa nước hoa hời rồi để trên một miếng vải điều. Khi mò kỹ trong tiểu không còn gì, ông quay bảo ông Châu “*Cụ măn phần hơn nửa thế kỷ rồi. Xương cốt chẳng còn bao nhiêu.*” Nói xong ông buộc tám vải và đưa cho ông Châu, bảo đem ra chỗ “lò thiêu”.

Bỏ xương cốt Mẹ vào, lòng ông đau nhói. Cuộc đời ông vào sinh ra tử đã nhiều, đưa bạn bè thân thiết đi hỏa táng cũng nhiều. Thế mà lúc này đây, lòng ông trĩu nặng đau buồn. Nhất là khi nghe những tiếng chày cọ xiết cho than xương nát ra thành tro bụi.

Thôi thì “*Chấp kinh cũng phải tòng quyền*” ! Ông thở dài và đi ra dựa lưng vào mộ chị.

Sáng hôm sau, ông bảo thằng cháu mua cho ông vé tàu Bắc Nam, toa ghế cứng. Cháu ông ngạc nhiên, nói :

- Cháu có tiền mà. Cậu ngồi ghế cứng hơn ba mươi tiếng không chịu được đâu.

Ông không dám nói thật cái khó chịu của toa ghế mềm. Ông mỉm cười bảo :

- Cậu ngồi toa máy lạnh không quen, cứ bị ói hoài. Thôi cứ mua toa ghế cứng cho cậu.

Chiều hôm ấy, ông lên toa ghế cứng. Ngồi một hai phút thì không sao, nhưng ngồi lâu và nhất là khi tàu chạy thì biết đá biết vàng ngay. Ông cảm phục những nhà ngôn ngữ học của Cục đường sắt quá. Rõ ràng mỗi loại vé ở đây họ đã cho đám hành khách trung lưu hoặc nghèo khó hiểu được: trong cái sướng có cái khổ và ngược lại.

Ông Châu chọn cái khổ thân xác để được thoải mái tinh thần. Nhất là ông đang đưa mẹ ông về. Ông để Mẹ, ít ra cũng phải ở nơi tạm có chút không khí mát mẻ, trong lành. Ôm chiếc ba lô trước ngực, ông tưởng như hơi ấm của mẹ ông đang bao bọc tấm thân non nớt mới bảy tám tháng trời của ông xưa. Thế rồi từ ngày đó, tháng đó, năm đó, Mẹ mang nguồn sữa ngọt, mang hơi ấm nồng nàn ấy ra đi *“Mẹ đi chơi xa, qua những cánh đồng xanh lá mạ, qua những khu rừng đầy hoa bướm. Rồi lớn lên em sẽ thấy Mẹ về ...”*

Bất ngờ ngay cả khi vừa chợp mắt, ông lại bừng tỉnh dậy, vội vàng, hốt hoảng giờ hai cánh tay níu chặt chiếc ba lô trên ngực, ông tưởng như nó vừa tuột khỏi tay ông.

Nhiều người ngồi gần chỗ ông, thấy cử chỉ, điệu bộ của ông như thế, họ nghĩ rằng ông có nhiều tiền bạc hoặc của quý giá đựng trong ba lô. Họ khuyên ông, nếu khi xuống ga phải cẩn thận, cướp giật ngày nay như rươi. Nó giật cả giỏ xách ấy, chứ đâu thềm móc túi.

Ông Châu thấy họ là những người thật thà đã khuyên ông đề cao cảnh giác, nên ông mở ba lô, lôi hũ cốt ra và nói :

- Nào có gì đâu các bác. Chỉ là xương cốt của bà cụ tôi thôi. Tôi chỉ sợ rơi vỡ nên cứ phải ôm chặt. Mọi người giờ mới vỡ lẽ. Họ thấy thương ông.

Bỗng một người hỏi :

- Thế ông đem cốt cụ vào, có giấy phép di cốt không ?

Ông giật mình nói :

- Dạ không.

- Thế thì gay... qua cửa ga, hải quan, cứ cho là vô tình đi khi họ đề nghị ông cho xét ba lô, thấy hũ cốt họ sẽ bắt trình giấy tờ. Nếu không có. Họ nghi ngờ chứa heroin, bạch phiến thì cái hũ phải đập ra.

- Vậy ông chi giùm tôi phải làm sao ?

- Chi có cách là ông xuống ga Bình Triệu

Tàu vào Phan Thiết vẫn còn đêm. Ông Châu ngồi gục mặt trên đầu gối. Lòng ông chua xót, đau đớn thương Mẹ. Cuộc đời người lúc sống đã khổ vì chồng. Khi chết đi cũng chẳng yên thân. Nào bóc mộ chui, chôn chui, rồi thiêu xương, thiêu cốt cũng chui. Và bây giờ chỉ còn có đoạn đường cuối cùng, ông cũng lại phải đưa Mẹ về chui.

Nước mắt ông trào ra, thương mình thì ít mà thương Mẹ thì nhiều.

Rồi khi trời vừa sáng, ông chấp tay chào mọi người trên toa ghé cứng số 15. Bước xuống ga Bình Triệu, ông lẩn vào đám đông ra đường.

Từ ngày ông về Sài Gòn, chưa một lần nào dám đi taxi. Nhưng hôm nay, vì sự an toàn của Mẹ. Ông vẫy xe. Khi cửa đóng. Ông buột miệng nói

nhỏ: “*Mẹ ơi ! Mẹ con mình an toàn rồi. Lát nữa là tới nhà thôi Mẹ.*”

Sáng hôm ấy, trời Sài Gòn cuối năm vẫn rực rỡ nắng vàng. ■

Đông Đình Dậu (2017)